

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HC-PT
Ngày: 03 – 05 – 2018
V/v: khiếu kiện hành vi hành
chính về quản lý Nhà nước trong
lĩnh vực đất đai thuộc trường
hợp thu hồi đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Đoàn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ

Ông Nguyễn Văn Vận

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Thương – cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: ông Trần Mỹ Sơn - Kiểm
sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03/05/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử
phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2018/TLPT – HC ngày 08
tháng 02 năm 2018 về việc: “khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý Nhà
nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC – ST ngày 20/12/2017 của Tòa
án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2018/QĐPT – HC
ngày 19 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T– sinh năm 1949.

Địa chỉ: xóm Y II – xã Y – thành phố H – tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Ông Trần Xuân H

Địa chỉ: phường T, quận C, Hà Nội. Có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã Y – thành phố H .

Địa chỉ: xã Y – thành phố H – tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Hữu M – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y . Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố H
Địa chỉ: phường P – thành phố H – tỉnh Hòa Bình.
Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 - + Ông Đỗ Việt T - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)
 - + Ông Phạm Nhật Thăng D - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H . Có mặt.
 - + Ông Lê Sỹ N - Cán bộ phòng Tài nguyên môi trường thành phố H . Có mặt.
2. Ông Hà Văn A– sinh năm 1952
Địa chỉ: xóm Y II – xã Y – thành phố H – tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:
Người khởi kiện - bà Nguyễn Thị Trà ông Trần Xuân H – người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày:

Trước năm 1997, thửa đất 371 tại xã Y – Thành phố H được Nhà nước giao cho bà Nguyễn Thị V (trú tại xóm Y II, xã Y , thành phố H) sử dụng. Đến năm 1997, Ủy ban nhân dân xã Y có chủ trương chia lại đất nông nghiệp, gia đình bà T thuộc diện thiếu diện tích đất canh tác nên được Ủy ban nhân dân xã Y giao thêm 365,1m² đất (nay là thửa 371, tờ bản đồ số 36). Gia đình bà T đã quản lý, sử dụng và nộp sản lượng đầy đủ theo quy định, không có tranh chấp đất với ai và không ai khiếu nại gì.

Năm 2014 Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi thửa đất số 371 để triển khai dự án xây dựng trụ sở Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân xã Y . Trong suốt quá trình thu hồi đất, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố H , Ban giải phóng mặt bằng dự án, Ủy ban nhân dân xã Y đã hoàn tất thủ tục hồ sơ thu hồi và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho gia đình bà T .

Tháng 10/2015, Ủy ban nhân dân thành phố H và Ủy ban nhân dân xã Y giải ngân dự án đối với việc thu hồi đất phục vụ dự án nhưng không có tên bà T trong danh sách nhận tiền đền bù. Ngay sau đó, bà T đã khiếu nại việc bồi thường lên Ủy ban nhân dân thành phố H .

Ngày 05/11/2015 Ủy ban nhân dân xã Y có công văn số 78/UBND về việc “Thông báo giải quyết kiến nghị, phản ánh của công dân”; Báo cáo số 88/BC-UBND về việc “Giải quyết đơn của ông Bùi Mạnh H con bà Nguyễn Thị T trú tại Thôn Y 2, xã Y, thành phố H ”. Do vậy, gia đình bà T mới được biết Ủy ban nhân dân xã Y đã tự ý ghi danh ông Hà Văn A (Hà Đức A) vào hồ sơ địa chính, sổ mục kê từ năm 2002. Bà T đã có đơn khiếu nại về vấn đề này đến Ủy ban nhân dân xã Y .

Ngày 18/01/2016, Ủy ban nhân dân xã Y ra công văn số 05/TL-UBND trả lời: không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T. Không đồng ý với công văn trả lời của Ủy ban nhân dân xã Y, bà Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân xã Y đến Tòa án nhân dân thành phố H, yêu cầu:

1- Tuyên hành vi hành chính ghi danh ông Hà Văn A trong hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân xã Y là trái pháp luật, không có hiệu lực pháp lý;

2 - Ủy ban nhân dân xã Y phải khắc phục hậu quả pháp lý do hành vi hành chính trái pháp luật gây ra bao gồm: hủy bỏ toàn bộ hồ sơ, tài liệu có được do hành vi ghi danh ông Hà Văn A trên thửa đất 371;

3 - Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Y hoàn thiện hồ sơ bồi thường thửa đất 371 và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố H bồi thường hỗ trợ gia đình bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân xã Y trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 371 là của Hợp tác xã Yên Hòa, xã Y, thành phố H. Năm 1997, Hợp tác xã Y có giao thửa đất 371 cho hộ ông Hà Văn A canh tác, việc giao đất có ghi rõ trong sổ điền bộ của Hợp tác xã. Đến năm 2002 ông A có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất 371, tờ bản đồ số 36 diện tích 356.1m², loại đất nông nghiệp, nguồn gốc sử dụng đất là do Hợp tác xã giao. Sau đó ông A cho ai mượn đất thì Hợp tác xã Y cũng như Ủy ban nhân dân xã Y không nắm được.

Năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi thửa đất số 371 để triển khai dự án xây dựng trụ sở Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân xã Y. Thời gian này, bà T đang trồng ngô tại thửa đất 371. Bà T đã kê khai là chủ sử dụng thửa 371 để được bồi thường tiền đất. Ông Hà Văn A đã có đơn khiếu nại về việc bồi thường sai đối tượng nên Ủy ban nhân dân xã Y đã xem xét lại sổ mục kê, đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, sổ điền bộ Hợp tác xã thì phát hiện thửa 371 được ghi danh ông Hà Văn A.

Do đó, ban giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân thành phố H đã ra thông báo số 110/TB-UBND ngày 07/12/2015 về việc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị T sang ông Hà Văn A.

Bà T cho rằng Ủy ban nhân dân xã Y căn cứ vào đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 17/7/2002 của ông Hà Văn A để ghi danh ông Hà Văn A là chủ sử dụng thửa đất 371 là hành vi trái pháp luật vì trong đơn của ông A không có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã. Tuy nhiên, vào năm 2002, khi Nhà nước thực hiện đo đạc bản đồ địa chính chính quy để quản lý theo hiện trạng sử dụng đất, đơn vị đo đạc đã đo hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp của từng hộ, lập bản đồ, tư cận sau đó tổ chức họp xóm thông báo đến toàn thể các hộ gia đình có đất đến đối soát, nhận lại đất của mình trên thực tế, nếu đúng với thực tế sử dụng thì hướng dẫn các hộ làm đơn kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo mẫu quy

định. Tại thời điểm này, Ủy ban nhân dân xã Y không xác nhận vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của tất cả các hộ dân xã Y.

Ủy ban nhân dân xã Y đã tuân thủ đầy đủ trình tự theo quy định của Nhà nước về hành vi ghi danh ông Hà Văn A vào sổ mục kê. Thực tế ông A có kê khai thửa đất 371 trong đơn đăng ký quyền sử dụng đất, còn bà T không kê khai thửa 371 trong đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 18/7/2002. Việc tăng diện tích thửa 371 từ 270m² lên 356,1m² là trước đây đo bằng sào, năm 2002 đo bằng máy nên có thay đổi về diện tích còn hình dạng thửa đất cũng như tứ cận vẫn giữ nguyên ban đầu khi Hợp tác xã giao đất cho ông A.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã Y đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:

Thực hiện Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế-Kỹ thuật xây dựng công trình: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Y. Ban Quản lý dự án 800 - thành phố H đã hợp đồng đo đạc với đơn vị tư vấn là Văn phòng Đăng ký QSD đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình thực hiện trích đo khu đất có diện tích 8.144,1m² đất tại xóm Y 1, xã Y để thực hiện xây dựng công trình Trụ sở Đảng ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân xã Y. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cùng Ủy ban nhân dân xã Y đến trực tiếp khu đất thu hồi để đo đạc, kiểm đếm tài sản hoa màu trên đất gặp các hộ đang thực hiện sản xuất nông nghiệp, hỏi tên, địa chỉ, diện tích và ghi danh các chủ sử dụng đất tại bảng kê trích đo. Trong đó có thửa đất số 371; Tờ bản đồ số 36; diện tích 356,1m² đất được ghi tên bà Hà Thị T đang sử dụng.

Ngày 01 tháng 7 năm 2015, Ban Quản lý dự án 800 thành phố Hòa Bình đã có Văn bản số 57/CV-BQL đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện ban hành Thông báo Thu hồi đất công trình trụ sở Đảng ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân xã Y. Căn cứ hồ sơ đo đạc và danh sách chủ sử dụng đất, ngày 14/7/2015 Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 66/TB-UBND để thu hồi 31 thửa đất với tổng diện tích 8.144,1m² đất các loại.

Thực hiện Thông báo thu hồi đất số 66/TB-UBND ngày 14/7/2015, Trung Tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã Y, Ban Quản lý dự án 800 thành phố và các hộ gia đình thuộc phạm vi thu hồi đất để tiến hành kiểm kê, thu thập các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất để thực hiện lập phương án thu hồi và bồi thường về đất theo quy định. Ban 800 và Ủy ban nhân dân xã Y sau khi xem xét lại danh sách thông báo thu hồi đất và giấy chứng nhận QSD đất, nguồn gốc sử dụng đất của các hộ gia đình: thấy rằng thửa đất 371 ghi tên ông Hà Văn A, Ban Quản lý dự án 800 thành phố H đã có văn bản số 107/CV-BQL ngày 30/11/2015

đề nghị UBND thành phố điều chỉnh lại tên của 04 chủ sử dụng đất tại Thông báo số 66/TB-UBND ngày 14/7/2015. UBND thành phố H sau đó ban hành thông báo số 110/TB-UBND ngày 07/12/2015 về việc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng tại Thông báo thu hồi đất số 66/TB-UBND ngày 14/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình, trong đó có thửa đất số 371; Tờ bản đồ số 36; diện tích 356,1m² đất được đề nghị điều chỉnh chủ đất từ tên bà Hà Thị T sang ông Hà Văn A.

Ủy ban nhân dân thành phố H vẫn giữ nguyên thông báo số 110/TB-UBND ngày 07/12/2015 về việc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng tại Thông báo thu hồi đất số 66/TB-UBND ngày 14/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hà Văn A trình bày: Gia đình ông A được Hợp tác xã Y giao thửa đất 371 từ năm 1992 để canh tác. Đến năm 1997, Hợp tác xã có chia lại ruộng đất và vẫn giao thửa 371 cho ông, việc này được ghi rõ trong sổ điền bộ của Hợp tác xã. Đến năm 2002, khi Nhà nước thực hiện đo đạc đất đai, ông đã kê khai thửa 371 vào đơn đăng ký quyền sử dụng đất và được ghi danh là chủ sử dụng thửa 371, tờ bản đồ 36 trong sổ mục kê năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã Y. Ông sử dụng đất và nộp thuế đến năm 1999. Năm 2012, ông có cho bà Nguyễn Thị T mượn thửa đất trên để trồng ngô, thời điểm này ông không phải nộp thuế cho Nhà nước nữa. Việc mượn đất giữa hai bên không có giấy tờ, chỉ nói bằng miệng. Đến năm 2014, Ủy ban nhân dân xã Y thu hồi đất làm trụ sở, ông biết bà T được bồi thường diện tích thửa đất 371 nên có làm đơn khiếu nại lên xã. Ủy ban nhân dân xã Y đã xem xét, rà soát lại sổ mục kê, bản đồ địa chính. Ủy ban nhân dân thành phố H đã có văn bản đính chính tên người được bồi thường đất là ông A. Nay bà T khởi kiện, ông không chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của bà T vì ông mới là chủ sử dụng của thửa đất 371.

Tại bản án số 02/2017/HC-ST ngày 20/12/2017, Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 3 khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 31 Điều 116, điểm a khoản 2 điều 193, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 62, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, Điều 77 Luật Đất đai;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với Ủy ban nhân dân xã Y cụ thể:

- Yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính ghi danh ông Hà Văn A trong hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân xã Y là trái pháp luật, không có hiệu lực pháp lý;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã Y khắc phục hậu quả pháp lý do hành vi hành chính trái pháp luật gây ra bao gồm: hủy bỏ toàn bộ hồ sơ, tài liệu có được do hành vi ghi danh ông Hà Văn A trên thửa đất 371;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Y hoàn thiện hồ sơ bồi thường thửa đất 371 cho gia đình bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/01/2018, người khởi kiện – bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án nhân dân thành phố H đã không vô tư, khách quan trong quá trình xét xử, kéo dài thời gian xét xử; Hội đồng xét xử nhận định vụ án cảm tính – chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ; quá trình xét xử sơ thẩm có nhiều vi phạm về tố tụng và nội dung. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ngày 05/4/2018, bà Nguyễn Thị T có đơn thay đổi kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật. Lý do: cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị B và anh Bùi Mạnh H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; cấp sơ thẩm xét xử chưa khách quan...

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

*Người khởi kiện – bà Nguyễn Thị T đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 02 /201 7/HC-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H .

* Người bị kiện giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

* Những người liên quan giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án:

Nguồn gốc thửa đất 371 trước năm 1997 ai là người quản lý, sử dụng và được ghi trong sổ mục kê chưa được làm rõ. Cấp sơ thẩm chưa tiến hành việc đối chất, cũng như chưa tiến hành việc thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai giữa ông A và bà V . Để giải quyết đúng đắn vụ án, trước hết cần phải làm rõ thửa đất số 371 thuộc về ông A hay bà V bằng một phán quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bằng một bản án, quyết định dân sự của Tòa án; nếu các bên đương sự có đơn khởi kiện hoặc

cần phải được Thẩm phán giải thích, hướng dẫn các đương sự làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về dân sự trước.

Cấp sơ thẩm chưa xác định được mối quan hệ nào cần phải giải quyết trước, quan hệ nào sẽ được giải quyết sau, chưa tiến hành việc xác định ai mới là người quản lý, sử dụng thửa đất 371 trước thời điểm 1997, chưa làm rõ quy trình ghi danh có đảm bảo theo quy định không ... nhưng đã công nhận hành vi hành chính ghi danh ông Hà Văn Avào hồ sơ địa chính, sổ mục kê năm 2002 của UBND xx Yên Mông là thiếu căn cứ, chưa có cơ sở vững chắc.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm không đưa bà B – vợ ông A và anh Hà – con bà T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 10 điều 3 Luật tố tụng Hành chính. Khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử không tiến hành biểu quyết theo từng vấn đề mà lại tiến hành biểu quyết một lần về tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng về nghị án được quy định tại khoản 2 điều 191 Luật Tố tụng hành chính. Việc viện dẫn các căn cứ pháp luật về nội dung vụ án chưa rõ ràng và chính xác.

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ . Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T , hủy bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H . Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi thửa đất số 371 tại xã Y – thành phố H để triển khai dự án xây dựng trụ sở Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân xã Y . Bà Nguyễn Thị T đã kê khai là chủ sử dụng thửa 371 để được bồi thường tiền đất. Sau đó, ông Hà Văn A đã có đơn khiếu nại về việc bồi thường sai đối tượng, không đồng ý với việc kê khai chủ sử dụng thửa đất 371 là bà Nguyễn Thị T .

Sau khi có khiếu nại của ông A , Ủy ban nhân dân xã Y đã xem xét sổ mục kê, đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 2002 và xác nhận: thửa 371 được ghi danh ông Hà Văn A . Do đó, Ban giải phóng mặt bằng dự án và Ủy ban nhân dân thành phố H đã ra thông báo số 110/TB-UBND ngày 07/12/2015, điều chỉnh lại tên chủ sử dụng thửa 371 từ bà Nguyễn Thị T sang ông Nguyễn Văn A.

Ngày 16/01/2016, bà Nguyễn Thị T đã có đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân thành phố H , đề nghị tuyên hành vi hành chính ghi danh ông Hà Văn A trong hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân xã Y là trái pháp luật, không có hiệu lực pháp lý; yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Y hoàn thiện hồ sơ bồi thường thửa đất 371 và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố H bồi thường hỗ trợ gia đình bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

1. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền:

Tòa án nhân dân thành phố H xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là “khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất”. Người khởi kiện đã thực hiện việc khởi kiện trong thời gian quy định và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H là đúng theo quy định tại Điều 28; Điều 29 của Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

- Về xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

- Xét hành vi ghi danh ông Hà Văn A trong hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân xã Y , Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Thông tư số 346/1998/TT – TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính Hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì việc lập hồ sơ địa chính tại thời điểm năm 2002 phải đảm bảo có đầy đủ các điều kiện quy định tại phần II của thông tư này. Theo đó, hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình bao gồm:

“I.2.3...Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Các giấy tờ pháp lý kèm theo về nguồn gốc của đất đang sử dụng; Bản đồ địa chính khu đất hoặc sơ đồ trích đo thửa đất”. Tuy nhiên, hồ sơ kê khai đất của ông Hà Văn A chỉ có duy nhất Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Ngoài ra không có giấy tờ gì khác chứng minh việc ông A được cấp đất thửa 371. Tại thời điểm bà T đang sử dụng hợp pháp. Ủy ban nhân dân xã Y chỉ xem xét đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Hà Văn A để ghi danh ông A vào hồ sơ địa chính xã năm 2002 là thiếu căn cứ, không đầy đủ.

Căn cứ, theo điểm I.2.4 phần II của thông tư 346, kết quả xét duyệt quyền sử dụng đất phải được Ủy ban nhân dân xã công bố công khai trong 15 ngày để người dân tham gia ý kiến. Hết thời hạn này, Ủy ban nhân dân xã Y phải lập biên bản kết thúc việc công bố công khai hồ sơ. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã Y không cung cấp được biên bản kết thúc việc công bố công khai hồ sơ đăng ký

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002, không cung cấp được văn bản, tài liệu nào thể hiện việc Ban chủ nhiệm HTX Y và Ủy ban nhân dân xã Y đã điều chỉnh việc ghi danh thửa đất 371 từ gia đình bà T sang cho ông A vào hồ sơ địa chính và thông báo cho bà con xã viên được biết. Do vậy, việc lập hồ sơ địa chính năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã Y còn chưa chặt chẽ, không có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân xã Y không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện về lịch sử sử dụng đất, việc điều chỉnh giao đất từ gia đình bà T sang cho ông A, không cung cấp được tài liệu chứng minh việc tại thời điểm năm 1997, hộ ông A có thuộc diện thiếu đất sản xuất và được giao đất hay không. Các tài liệu do Ủy ban nhân dân xã Y cung cấp chỉ thể hiện quá trình sử dụng đất từ năm 2002, tại thời điểm này, bà Nguyễn Thị Tđang là người sử dụng thửa đất 371 và không có tranh chấp với ai. Ngày 16/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình ra Thông báo số 75/2018/TB – TA, yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Y cung cấp các tài liệu, chứng cứ là căn cứ để Ủy ban nhân dân xã Y ghi danh ông Hà Văn A trong hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân xã Y, các văn bản chứng minh lịch sử quá trình sử dụng thửa đất 371. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã Y không cung cấp được bất kỳ tài liệu nào. Tại Biên bản xác minh ngày 30/3/2018, Ủy ban nhân dân xã Y khẳng định đã cung cấp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có liên quan tới việc giải quyết vụ án mà Ủy ban xã còn lưu giữ cho Tòa án nhân dân thành phố H, đã thể hiện trong hồ sơ vụ án, ngoài ra không có tài liệu nào khác.

Đồng thời, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã không cho đối chất giữa ông A, bà V để xác định vấn đề ai là người đã quản lý sử dụng thửa 371 trước thời điểm năm 1997. Cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị B – vợ ông A vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu người tham gia tố tụng. Lẽ ra, cấp sơ thẩm phải hướng dẫn cho đương sự khởi kiện giải quyết tranh chấp đất đai trước xem ai là người được quyền sử dụng thửa đất 371, sau đó mới giải quyết hành vi hành chính để xác định việc ghi danh ông A vào sổ mục kê, sổ địa chính là có căn cứ hay không, vì thực tế bà T đang là người sử dụng đất nhưng ông A lại cho rằng đó là đất của mình.

Trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 06/12/1999, ông Hà Văn A không kê khai thửa đất 371. Trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 17/7/2002, ông A mới kê khai thửa 371. Trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 18/7/2002, bà Nguyễn Thị T không kê khai thửa 371. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ ai là người được quyền sử dụng thửa 371 để có căn cứ được ghi danh vào sổ mục kê, sổ địa chính.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân xã Y ghi danh ông Hà Văn A vào hồ sơ địa chính năm 2002 còn nhiều thiếu sót, chưa chặt chẽ. Cấp sơ thẩm nhận định

hành vi ghi danh ông Hà Văn A vào hồ sơ địa chính, sổ mục kê năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã Y là đúng và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, là thiếu căn cứ, chưa có đủ cơ sở, căn cứ vững chắc.

Cần phải giải quyết xác định ai là người được quyền sử dụng đất trước bằng một vụ án dân sự mới có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân xã Y ghi danh ông Hà Văn A trong hồ sơ địa chính xã Y năm 2002 là có căn cứ, đúng pháp luật hay không. Tại phiên tòa, ông A khai có nhiều điểm mâu thuẫn: có lời khai thì khai được cấp đất năm 1997, có lời khai sử dụng thửa 371 năm 1992, có lời khai sử dụng năm 1994, có lời khai không nhớ sử dụng năm nào.

- Về việc áp dụng luật để giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện hành vi hành chính: Ủy ban nhân dân xã Y ghi danh ông Hà Văn A (Hà Đức A) vào hồ sơ địa chính, sổ mục kê từ năm 2002. Tại thời điểm này, Luật đất đai 2013 chưa ban hành. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố H đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 62, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, Điều 77 Luật Đất đai để quyết định là chưa phù hợp.

Khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử không tiến hành biểu quyết theo từng vấn đề mà lại tiến hành biểu quyết một lần về tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng về nghị án theo quy định tại khoản 2 điều 191 Luật Tố tụng hành chính.

Những sai sót của cấp sơ thẩm không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

- Các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T sẽ được xem xét khi Tòa án xét xử lại vụ án.

Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, nên bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm c khoản 5 điều 243 Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án Hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HC – ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H xét xử lại.

2. Về án phí: Tiền tạm ứng án phí Hành chính sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị T đã nộp tại Biên lai số 0001557 ngày 06/4/ 2016 ở Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H sẽ được xử lý khi Tòa tiếp tục giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0005035 ngày 15/01/2018 ở Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án: 03/5/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình,
- VKSND thành phố H ,
- TAND thành phố H ,
- THADS thành phố H ,
- Các đương sự,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lý Thị Đoàn